TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2026.
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Anh Thái

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thành Ngọc, bà H Nguốp Niê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Trương Thị Thảo Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2026 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 157/2025/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 11 năm 2025 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2026; Quyết định hoãn phiên toà số 30/2026/QĐST-HNGĐ ngày 06/5/2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phan Thị Thu N, sinh ngày 10/8/1986 – có đơn xin xử vắng mặt.

Số CCCD: 052186007xxx, do Cục CSQLHC về TTXH cấp ngày 10/8/2021.

Địa chỉ: Thôn C, xã A, tỉnh Gia Lai.

- Bị đơn: Anh Hồ Văn H, sinh năm 1982 – vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Buôn D (nay là thôn E), xã K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Phan Thị Thu N trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh Hồ Văn H đã tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn vào ngày 16/11/2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Bình Định (Nay là xã A, tỉnh Gia Lai). Thời gian đầu vợ chồng hoà thuận hạnh phúc, lo làm ăn phát triển kinh tế. Tuy nhiên trong quá trình chung sống thì hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, quan điểm trái ngược nhau, không cùng quan điểm sống. Vợ chồng liên tục xảy ra những mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, hai vợ chồng đã tự hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả.

Đã từ lâu mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể sống chung với nhau được nữa, chị N, anh H đã sống ly thân nhau hơn 15 năm (từ năm 2010), anh H đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại xã C, huyện K (nay là xã K), tỉnh Đắk Lắk sinh sống từ năm 2010 cho đến nay. Do vậy để đảm bảo cuộc sống riêng tư cho mỗi người chị N làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết được ly hôn anh Hồ Văn H.

+ Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân chúng tôi có 01 con chung tên là Hồ Ngọc H, sinh ngày 16/12/2009, hiện nay con đang ở với chị N, ly hôn chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

+ Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn là anh Hồ Văn H, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Vì vậy Tòa án không tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cũng như hòa giải cho nguyên đơn và bị đơn được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi trước thời điểm xét xử đã thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật, xác định đúng tư cách tố tụng của đương sự. Tại phiên tòa HĐXX thực hiện đầy đủ trình tự thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Đối với những người tham gia tố tụng nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Phan Thị Thu N, chị Nguyệt được ly hôn anh Hồ Văn H.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung là Hồ Ngọc H, sinh ngày 16/12/2009 cho chị Phan Thị Thu N là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc đến khi cháu Hải trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phan Thị Thu N không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Chị Phan Thị Thu N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị Phan Thị Thu N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Hồ Văn H vắng mặt lần thứ hai không có lý do; căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[3] Về yêu cầu của đương sự nhận thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Phan Thị Thu N và anh Hồ Văn H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn vào ngày 16/11/2009 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện A, tỉnh Bình Định (Nay là xã A, tỉnh Gia Lai), theo Giấy chứng nhận kết hôn số 66, quyển số 01. Theo chị N trình bày vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn trong quá trình chung sống thì hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, quan điểm trái ngược nhau, không cùng quan điểm sống. Hai vợ chồng liên tục xảy ra những mâu thuẫn, không tìm được tiếng nói chung, hai vợ chồng đã tự hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị N và anh H đã sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay chị N không còn tình cảm vợ chồng với anh H nữa, thời gian vợ chồng sống ly thân đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy chị Phan Thị Thu N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh Hồ Văn H.

Kết quả xác minh tại địa phương được biết anh Hồ Văn H đang sinh sống và có hộ khẩu thường trú tại buôn D (nay là thôn E), xã K, tỉnh Đắk Lắk. Về mâu thuẫn vợ chồng thì địa phương được biết anh H, chị N có mâu thuẫn từ lâu nhưng vợ chồng không báo với thôn, buôn nên địa phương không tiến hành hoà giải cho vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phan Thị Thu N và anh Hồ Văn H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài (đã ly thân từ năm 2010), mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị Phan Thị Thu N được ly hôn anh anh Hồ Văn H là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Chị N, anh H có 01 con chung là cháu Hồ Ngọc H, sinh ngày 16/12/2009. Hiện nay cháu H đang ở với chị N và có nguyện vọng được ở với chị N, chị N cũng có nguyện vọng được là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành. Do vậy, giao con chung là cháu Hồ Ngọc H cho chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) là đảm bảo quyền lợi của cháu H, phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phan Thị Thu N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: Chị Phan Thị Thu N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 51; 56; 81; 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phan Thị Thu N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị Thu N được ly hôn anh Hồ Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hồ Ngọc H, sinh ngày 16/12/2009 cho chị Phan Thị Thu N là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu H trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị N không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phan Thị Thu N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004750 ngày 24/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt biết được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 8-Đắk Lắk;
- THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng THADS Khu vực 8-Đắk Lắk;
- UBND xã A, tỉnh Gia Lai;
- Các đương sự;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Anh Thái